

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/ HNGĐ - ST

Ngày: 14/12/2022

"V/v: *Tranh chấp ly hôn*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Huy

2. Bà Vũ Thị Liên Minh

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Đức Chính – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 621/2022/TLST - HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (có mặt)**

Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ 8, phường P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn:** **Anh Ngô Xuân Đ, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)**

Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ 8, phường P, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Tôi và anh Đ kết hôn tự nguyện năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sinh sống tại phường Trung Thành đến năm 2013 chuyển về phường P. Do không có tiếng nói chung nên trong cuộc sống vợ chồng tôi và anh Đ thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ năm 2018 đến nay chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc

sống của nhau. Đến nay tôi thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là Ngô Hà T, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay cháu T đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi xin nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 Đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết bị đơn là anh Ngô Xuân Đ trình bày:***

Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Thành, TP Thái Nguyên. Sau khi kết hôn đến năm 2013 vợ chồng chuyển về phường P sinh sống. Trong cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa tôi và chị H không hạnh phúc, do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng, không có tiếng nói chung. Từ năm 2018 chúng tôi đã sống ly thân, đến nay đã 4 năm nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn tôi nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Ngô Hà T, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay cháu T đang sống với mẹ tại phường P. Khi ly hôn tôi nhất trí để chị H nuôi con, tôi Đ ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 Đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung và phương án giải quyết vụ án: Đề nghị Hội Đ xét xử cho chị H và anh Đ ly hôn; Con chung: Giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Xuân Đ. Căn cứ quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn là anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội Đ xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

[2.1] *Quan hệ hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 141, quyền số 2 ngày 02/12/2008 ngày 04/02/2021 của UBND phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian hôn nhân, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn bất đồng khiến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện chị H và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay cả hai bên đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Chị H xin ly hôn, anh Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

Trong quá trình giải quyết, do anh Đ xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Đ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị H ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Ngô Hà T, sinh ngày 21/9/2009. Hiện nay cháu T đang sống với mẹ và học tập tại phường P. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, anh Đ cũng nhất trí để chị H nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con không ai có quyền cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa chị H tự nguyện chịu thay anh Đ án phí cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội Đ xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị H.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228; 482 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### ***Tuyên xử:***

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Xuân Đ.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung là Ngô Hà T, sinh ngày 21/9/2009 cho mẹ là chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Ngô Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 Đ (*ba triệu Đ*) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Xuân Đ có quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

*Kể từ ngày người được quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.*

1.3. *Tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. *Án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 Đ án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện nộp 300.000 Đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0000272 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, chị H cần nộp thêm số tiền 300.000 Đ).

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND TP Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- UBND nơi đương sự cư trú;
- Lưu HS;

**T.M HỘI Đ XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Loan**

